

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thế K, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Bà Lê Trúc N, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

HKTT: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Tạm trú: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Thế K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K tự nguyện chung sống với bà Lê Trúc N và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vào năm 2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà N thường tự làm theo ý mình, vợ chồng sống không hòa hợp nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn mâu thuẫn và sống chung được nữa nên ông K xin được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Lê Thiên P, sinh ngày: 09/8/2013 hiện sống chung với bà N từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Ngoài ra, hiện nay bà N không mang thai và vợ chồng cũng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Trước và sau khi kết hôn ông K và bà N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông K và bà N không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2020 bị đơn bà Lê Trúc N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N thống nhất với ông K về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà N cho rằng do ông K ngoại tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cãi vã. Nay ông K xin ly hôn thì bà N không đồng ý vì không muốn con thiếu cha và do luật đạo của bà N theo.

- Về con chung: Bà N thống nhất vợ chồng có 01 con chung như ông K trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà N xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra hiện bà N không mang thai, vợ chồng không có con nuôi

- Về tài sản chung: Trước và sau khi kết hôn bà N và ông K không có tài sản chung

- Về nợ chung: Không có

Bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án trên và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thế K.

+ Về hôn nhân: Ông Đỗ Thế K được ly hôn với bà Lê Trúc N

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Thiên P, sinh ngày 09/8/2013 cho bà N nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên không xem xét

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà N khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Đỗ Thế K có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con với bà Lê Trúc N nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bà N cư trú tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là bà Lê Trúc N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 182 ngày 04/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bà N vắng mặt, theo lời khai của bà N trong quá trình giải quyết vụ án thì bà thừa nhận giữa bà và ông K đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Mặc dù về nguyên nhân mâu thuẫn các đương sự không thống nhất nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà N xin vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Nay ông K xác định không còn tình cảm với bà N và yêu cầu được ly hôn. Như vậy, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà N đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K.

[4] Về con chung: Ông K và bà N có 01 con chung tên Đỗ Lê Thiên P, sinh ngày 09/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án bà N có nguyện vọng được nuôi con, tại phiên tòa ông K cũng đồng ý giao con cho bà N nuôi. Xét việc giao cháu P cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Thế K và bà Lê Trúc N.

2. Về nuôi con chung: Giao con tên Đỗ Lê Thiên P, sinh ngày 09/8/2013 cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Ông K chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000959 ngày 02/6/2020.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên